

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán

Số tín chỉ: 3

Mã học phần: 71ACCT20023

Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_09,10, 11

Thời gian làm bài: 75 phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có (chỉ được sử dụng tài liệu giấy)

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Dự phòng

I. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	35%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,14,19,20	3,5	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	35%	Câu 8,9,10,11,12,13,15,16,17,18	3,5	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.1

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_09,10, 11
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> Dự phòng <input type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: (random 1 trong 3 câu)

Câu 1a: Công ty Lê Minh thành lập ngày 01/01/2023 với số vốn góp ban đầu gồm: tiền gửi ngân hàng 800.000.000 đồng, tài sản cố định hữu hình 1.500.000.000 đồng. Sau một năm hoạt động, tổng nguồn vốn của công ty tăng lên 300.000.000 đồng. Vậy nguồn vốn của công ty vào cuối năm 2023 bằng:

- A. 2.600.000.000 đồng
B. 2.300.000.000 đồng
C. 2.000.000.000 đồng
D. 1.100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1b: Công ty Lê Minh thành lập ngày 01/01/2023 với số vốn góp ban đầu gồm: tiền gửi ngân hàng 1.800.000.000 đồng, tài sản cố định hữu hình 700.000.000 đồng. Sau một năm hoạt động, tổng nguồn vốn của công ty tăng lên 300.000.000 đồng. Vậy nguồn vốn của công ty vào cuối năm 2023 bằng:

- A. 2.800.000.000 đồng
B. 2.500.000.000 đồng
C. 2.200.000.000 đồng
D. 2.1.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1c: Công ty Lê Minh thành lập ngày 01/01/2023 với số vốn góp ban đầu gồm: tiền gửi ngân hàng 1.700.000.000 đồng, tài sản cố định hữu hình 800.000.000 đồng. Sau một năm hoạt động,

tổng nguồn vốn của công ty tăng lên 350.000.000 đồng. Vậy nguồn vốn của công ty vào cuối năm 2023 bằng:

- A. 2.850.000.000 đồng
- B. 2.500.000.000 đồng
- C. 2.150.000.000 đồng
- D. 2.050.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2: (random 1 trong 3 câu)

Câu 2a: Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản giảm 50.000.000 đồng, tổng nợ phải trả giảm 25.000.000 đồng thì vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 25.000.000 đồng
- B. Giảm 75.000.000 đồng
- C. Tăng 75.000.000 đồng
- D. Tăng 25.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2b: Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản giảm 50.000.000 đồng, tổng nợ phải trả tăng 25.000.000 đồng thì vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 75.000.000 đồng
- B. Tăng 75.000.000 đồng
- C. Tăng 25.000.000 đồng
- D. Giảm 25.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2c: Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản tăng 50.000.000 đồng, tổng nợ phải trả giảm 25.000.000 đồng thì vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?

- A. Tăng 75.000.000 đồng
- B. Giảm 75.000.000 đồng
- C. Tăng 25.000.000 đồng
- D. Gi 35.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3: (random 1 trong 3 câu)

Câu 3a: “Ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm ảnh hưởng đến Tài sản và Nguồn

vốn” là nhiệm vụ của lĩnh vực kế toán:

- A. Kế toán tài chính
- B. Kế toán quản trị
- C. Kiểm toán
- D. Kế toán thuế

ANSWER: A

Câu 3b: “Lập kế hoạch dự trữ hàng tồn kho để tối ưu hóa việc sử dụng vốn kinh doanh” là nhiệm vụ của lĩnh vực kế toán:

- A. Kế toán quản trị
- B. Kế toán tài chính
- C. Kiểm toán
- D. Kế toán thuế

ANSWER: A

Câu 3c: “Kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính mà doanh nghiệp cung cấp” là nhiệm vụ của lĩnh vực kế toán:

- A. Kiểm toán
- B. Kế toán tài chính
- C. Kế toán quản trị
- D. Kế toán thuế

ANSWER: A

Câu 4:

Câu 4a: Thông tin về tình hình tài chính của công ty PopMart tại ngày 31/12/2023 như sau: Tiền mặt 30.000.000 đồng, Tiền gửi ngân hàng 1.280.000.000 đồng, Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 800.000.000 đồng, Hao mòn tài sản cố định 100.000.000 đồng, Phải trả người bán 300.000.000 đồng, Vốn góp chủ sở hữu 1.300.000.000 đồng, Lợi nhuận chưa phân phối 410.000.000 đồng. Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2023 bằng bao nhiêu?

- A. 2.010.000.000 đồng
- B. 2.410.000.000 đồng
- C. 2.210.000.000 đồng
- D. 1.710.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4b: Thông tin về tình hình tài chính của công ty PopMart tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tiền mặt 30.000.000 đồng, Tiền gửi ngân hàng 1.280.000.000 đồng, Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 800.000.000 đồng, Hao mòn tài sản cố định 80.000.000 đồng, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi 300.000.000 đồng, Vốn đầu tư chủ sở hữu 1.300.000.000 đồng, Lợi nhuận chưa phân phối 430.000.000 đồng. Tổng vốn chủ sở hữu của công ty tại ngày 31/12/2023 bằng bao nhiêu?

- A. 1.730.000.000 đồng
- B. 2.190.000.000 đồng
- C. 2.110.000.000 đồng
- D. 2.030.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4c: Thông tin về tình hình tài chính của công ty PopMart tại ngày 31/12/2023 như sau: Tiền mặt 30.000.000 đồng, Tiền gửi ngân hàng 1.200.000.000 đồng, Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 800.000.000 đồng, Hao mòn tài sản cố định 160.000.000 đồng, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi 200.000.000 đồng, Vốn đầu tư chủ sở hữu 1.340.000.000 đồng, Lợi nhuận chưa phân phối 330.000.000 đồng. Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2023 bằng bao nhiêu?

- A. 1.870.000.000 đồng
- B. 2.190.000.000 đồng
- C. 2.030.000.000 đồng
- D. 2.160.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5: (random 1 trong 3 câu)

Câu 5a: Ngày 1/3/2023, công ty Linh Anh mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm, giá mua 500.000 đồng/sản phẩm. Trong tháng, công ty bán được 120 sản phẩm từ lô hàng mua ngày 1 với giá bán 890.000đồng/sản phẩm. Vậy doanh thu và chi phí phát sinh trong tháng 3 liên quan đến lô hàng bán ra trên bằng bao nhiêu?

- A. Doanh thu 106.800.000 đồng, chi phí 60.000.000 đồng
- B. Doanh thu 106.800.000 đồng, chi phí 0 đồng
- C. Doanh thu 178.000.000.000 đồng, chi phí 0 đồng
- D. Doanh thu 178.000.000 đồng, chi phí 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5b: Ngày 1/3/2023, công ty mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm, giá mua 500.000 đồng/sản phẩm. Trong tháng, công ty bán được 110 sản phẩm từ lô hàng mua ngày 1 với giá bán 810.000 đồng/sản phẩm. Vậy doanh thu và chi phí phát sinh trong tháng 3 liên quan đến lô hàng

bán ra trên bằng bao nhiêu?

- A. Doanh thu 89.100.000 đồng, chi phí 55.000.000 đồng
- B. Doanh thu 89.100.000 đồng, chi phí 0 đồng
- C. Doanh thu 162.000.000 đồng, chi phí 0 đồng
- D. Doanh thu 162.000.000 đồng, chi phí 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5c: Ngày 1/3/2023, công ty mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm, giá mua 500.000 đồng/sản phẩm. Trong tháng, công ty bán được 170 sản phẩm từ lô hàng mua ngày 1 với giá bán 860.000đồng/sản phẩm. Vậy doanh thu và chi phí phát sinh trong tháng 3 liên quan đến lô hàng bán ra trên bằng bao nhiêu?

- A. Doanh thu 146.200.000 đồng, chi phí 85.000.000 đồng
- B. Doanh thu 146.200.000 đồng, chi phí 0 đồng
- C. Doanh thu 172.000.000 đồng, chi phí 0 đồng
- D. Doanh thu 172.000.000 đồng, chi phí 110.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6: (random 1 trong 3 câu)

Câu 6a: Thông tin tình hình kinh doanh công ty A trong năm 2023 như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.200.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 1.150.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 50.000.000 đồng
- + Chiết khấu thanh toán: 15.000.000 đồng
- + Hàng bán bị trả lại: 35.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty A trong năm 2023 bằng bao nhiêu?

- A. 965 .000.000 đồng
- B. 1.050.000.000 đồng
- C. 2.100.000 đồng
- D. 950.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6b: Thông tin tình hình kinh doanh công ty A trong năm 2023 như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.200.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 1.150.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 50.000.000 đồng
- + Chiết khấu thanh toán: 15.000.000 đồng
- + Hàng bán bị trả lại: 35.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty A trong năm 2023 bằng bao nhiêu?

- A.** 2.115.000.000 đồng
- B.** 2.100.000.000 đồng
- C.** 1.050.000.000 đồng
- D.** 965.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6c: Thông tin tình hình kinh doanh công ty A trong năm 2023 như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.200.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 1.150.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 50.000.000 đồng
- + Chiết khấu thanh toán: 15.000.000 đồng
- + Hàng bán bị trả lại: 35.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng

Các khoản giảm trừ doanh thu của công ty A trong năm 2023 bằng bao nhiêu?

- A.** 85.000.000 đồng
- B.** 100.000.000 đồng
- C.** 60.000.000 đồng
- D.** 52.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7: (random 1 trong 3 câu)

Câu 7a: Trong tháng 12/2023, công ty A thanh lý một xe ô tô thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng 450.000.000 đồng. Đồng thời, công ty phải chi 10.000.000 đồng trả cho người môi giới và 25.000.000 đồng để tân trang, sơn sửa xe trước khi thanh lý. Phát biểu nào sau đây là Đúng?

- A. Lợi nhuận khác phát sinh 415.000.000 đồng
- B. Thu nhập khác phát sinh 415.000.000 đồng
- C. Doanh thu bán hàng phát sinh 450.000.000 đồng
- D. Chi phí bán hàng phát sinh 45.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7b: Trong tháng 12/2023, công ty A thanh lý một xe ô tô thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng 450.000.000 đồng. Đồng thời, công ty phải chi 10.000.000 đồng trả cho người môi giới và 25.000.000 đồng để tân trang, sơn sửa xe trước khi thanh lý. Phát biểu nào sau đây là Sai?

- A. Chi phí bán hàng phát sinh 35.000.000 đồng
- B. Thu nhập khác phát sinh 450.000.000 đồng
- C. Chi phí khác phát sinh 35.000.000 đồng
- D. Một khoản lợi nhuận khác phát sinh 415.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7c: Trong tháng 12/2023, công ty A thanh lý một xe ô tô thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng 450.000.000 đồng. Đồng thời, công ty phải chi 10.000.000 đồng trả cho người môi giới và 25.000.000 đồng để tân trang, sơn sửa xe trước khi thanh lý. Phát biểu nào sau đây là Đúng?

- A. Thu nhập khác phát sinh 450.000.000 đồng
- B. Lợi nhuận khác phát sinh 450.000.000 đồng
- C. Doanh thu bán hàng phát sinh 450.000.000 đồng
- D. Chi phí bán hàng phát sinh 35.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8: (random 1 trong 3 câu)

Câu 8a: Thông tin trên sổ Cái tài khoản 331 tại ngày 1/10/2023 cho thấy khoản tiền doanh nghiệp còn nợ người bán là 370.000.000 đồng. Trong tháng 10/2023, doanh nghiệp đã vay ngân hàng 300.000.000 đồng để trả cho người bán và đồng thời cũng mua chịu một lô hàng hóa với giá 385.000.000 đồng. Cho biết số dư TK 331 vào cuối tháng 10/2023 bằng bao nhiêu?

- A. Dư Có 455.000.000 đồng
- B. Dư Nợ 455.000.000 đồng
- C. Dư Có 285.000.000 đồng

D. Dư Nợ 285.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8b: Thông tin trên sổ Cái tài khoản 331 tại ngày 1/10/2023 cho thấy khoản tiền doanh nghiệp còn nợ người bán là 370.000.000 đồng. Trong tháng 10/2023, doanh nghiệp đã chuyển khoản 150.000.000 đồng để trả cho người bán và đồng thời cũng mua chịu một lô hàng hóa với giá 115.000.000 đồng. Cho biết số dư TK 331 vào cuối tháng 10/2023 bằng bao nhiêu?

A. Dư Có 335.000.000 đồng

B. Dư Nợ 335.000.000 đồng

C. Dư Có 405.000.000 đồng

D. Dư Nợ 405.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8c: Thông tin trên sổ Cái tài khoản 331 tại ngày 1/10/2023 cho thấy khoản tiền doanh nghiệp còn nợ người bán là 370.000.000 đồng. Trong tháng 10/2023, doanh nghiệp mua chịu một lô hàng hóa với giá 365.000.000 đồng và đồng thời cũng vay ngân hàng 420.000.000 đồng để trả cho người bán. Cho biết số dư TK 331 vào cuối tháng 10/2023 bằng bao nhiêu?

A. Dư Có 315.000.000 đồng

B. Dư Nợ 315.000.000 đồng

C. Dư Có 425.000.000 đồng

D. Dư Nợ 425.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9: (random 1 trong 3 câu)

Câu 9a: Nghiệp vụ “Mua một xe ô tô có trị giá 300.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm sử dụng để chuyên chở giám đốc đi công tác và chưa thanh toán cho người bán” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 211 300.000.000

Có TK 331 300.000.000

B. Nợ TK 242 300.000.000

Có TK 331 300.000.000

C. Nợ TK 642 300.000.000

Có TK 331 300.000.000

D. Nợ TK 153 300.000.000

Có TK 331 300.000.000

ANSWER: A

Câu 9b: Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua một máy in trị giá 16.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 1 năm và sử dụng tại phòng kế toán” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 242 16.000.000
 Có TK 112 16.000.000
- B. Nợ TK 211 16.000.000
 Có TK 112 16.000.000
- C. Nợ TK 642 16.000.000
 Có TK 112 16.000.000
- D. Nợ TK 153 16.000.000
 Có TK 112 16.000.000

ANSWER: A

Câu 9c: Nghiệp vụ “Mua một máy photocopy trị giá 28.000.000 đồng chưa thanh toán, thời gian phân bổ hợp lý 2 năm, được sử dụng ở bộ phận bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 242 28.000.000
 Có TK 331 28.000.000
- B. Nợ TK 211 28.000.000
 Có TK 331 28.000.000
- C. Nợ TK 641 28.000.000
 Có TK 331 28.000.000
- D. Nợ TK 153 28.000.000
 Có TK 331 28.000.000

ANSWER: A

Câu 10: (random 1 trong 3 câu)

Câu 10a: Ngày 1/10/2023, TK Tiền gửi ngân hàng hiện có số dư là 1.000.000.000 đồng. Trong tháng 10/2023, doanh nghiệp đã thu được tiền bán hàng 250.000.000 đồng và đồng thời trả nợ hết 500.000.000 đồng, tất cả đều dưới hình thức chuyển khoản. Cho biết số dư TK Tiền gửi ngân hàng vào cuối tháng 10/2023 bằng bao nhiêu?

- A. Dư Nợ 750.000.000 đồng
- B. Dư Có 750.000.000 đồng
- C. Dư Nợ 1.250.000.000 đồng
- D. Dư Có 1.250.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10b: Ngày 1/10/2023, Tiền gửi ngân hàng hiện có số dư là 1.000.000.000 đồng. Trong tháng 10/2023, doanh nghiệp đã thu được tiền bán hàng 350.000.000 đồng và đồng thời trả nợ hết 500.000.000 đồng, tất cả đều dưới hình thức chuyển khoản. Cho biết số dư TK Tiền gửi ngân hàng vào cuối tháng 10/2023 bằng bao nhiêu?

- A. Dư Nợ 850.000.000 đồng
- B. Dư Có 850.000.000 đồng
- C. Dư Nợ 1.150.000.000 đồng
- D. Dư Có 1.150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10c: Ngày 1/10/2023, TK Tiền gửi ngân hàng hiện có số dư là 1.000.000.000 đồng. Trong tháng 10/2023, doanh nghiệp đã thu được tiền bán hàng 250.000.000 đồng và đồng thời trả nợ hết 300.000.000 đồng, tất cả đều dưới hình thức chuyển khoản. Cho biết số dư TK Tiền gửi ngân hàng vào cuối tháng 10/2023 bằng bao nhiêu?

- A. Dư Nợ 950.000.000 đồng
- B. Dư Có 950.000.000 đồng
- C. Dư Nợ 1.050.000.000 đồng
- D. Dư Có 1.050.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11: (random 1 trong 3 câu)

Câu 11a: Nghiệp vụ “Bán một lô hàng hóa trị giá 400.000.000 đồng chưa thu tiền khách hàng”. Phát biểu nào sau đây là đúng:

- A. Ghi Nợ TK 131: 400.000.000 đồng
- B. Ghi Có TK 331: 400.000.000 đồng
- C. Ghi Nợ TK 156: 400.000.000 đồng
- D. Ghi Nợ TK 511: 400.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11b: Nghiệp vụ “Công ty mua lô hàng hoá trị giá 400.000.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán 30%, phần còn lại chưa thanh toán”. Phát biểu nào sau đây là đúng:

- A. Ghi Có TK 331: 280.000.000 đồng
- B. Ghi Có TK 131: 280.000.000 đồng
- C. Ghi Có TK 112: 280.000.000 đồng

D. Ghi Có TK 156: 280.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11c: Nghiệp vụ “Công ty mua lô hàng hoá trị giá 400.000.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán 30%, phần còn lại chưa thanh toán”. Phát biểu nào sau đây là đúng:

A. Ghi Có TK 112: 120.000.000 đồng

B. Ghi Có TK 131: 120.000.000 đồng

C. Ghi Có TK 331: 120.000.000 đồng

D. Ghi Có TK 156: 120.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 12: (random 1 trong 3 câu)

Câu 12a: Bút toán sau đây là kết quả của nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào?

Nợ TK 242 50.000.000

Có TK 112 50.000.000

A. Chuyển khoản thanh toán trước tiền thuê văn phòng trong 5 tháng với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng

B. Chuyển khoản mua một tài sản cố định sử dụng ngay tại cửa hàng với giá mua 50.000.000 đồng

C. Chuyển khoản thanh toán tiền thuê nhà của năm trước với tổng số tiền 50.000.000 đồng

D. Chuyển khoản mua một lô công cụ dụng cụ nhập kho với giá mua 50.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 12b: Bút toán sau đây là kết quả của nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào?

Nợ TK 642 35.000.000

Có TK 112 35.000.000

A. Chuyển khoản thanh toán chi phí thuê văn phòng tháng này 35.000.000 đồng

B. Chuyển khoản thanh toán chi phí thuê văn phòng tháng trước 35.000.000 đồng

C. Chuyển khoản mua một lô văn phòng phẩm trị giá 35.000.000 đồng dùng ngay tại văn phòng công ty, phân bổ trong vòng 6 tháng.

D. Chuyển khoản mua một tủ lạnh trị giá 35.000.000 đồng và sử dụng ngay tại căn tin của công ty, ước tính sử dụng 5 năm.

ANSWER: A

Câu 12c: Bút toán sau đây là kết quả của nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào?

Nợ TK 112 25.000.000

Có TK 711 25.000.000

A. Nhận được 25.000.000 đồng tiền phạt bằng chuyển khoản do người bán giao hàng trễ hạn

B. Nhận được 25.000.000 đồng cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư chứng khoán bằng chuyển khoản

C. Nhận được 25.000.000 đồng bằng chuyển khoản do doanh nghiệp vừa hoàn thành dịch vụ tư vấn thuế cho khách hàng

D. Nhận được 25.000.000 đồng bằng chuyển khoản do khách hàng trả nợ tháng trước.

ANSWER: A

Câu 13: (random 1 trong 4 câu)

Câu 13a: Ngày 1/11/2023, công ty ký hợp đồng cho thuê văn phòng trong 6 tháng (từ tháng 11/2023 đến hết tháng 4/2024) là 150.000.000 đồng, cùng ngày khách hàng chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng. Kết thúc kỳ kế toán năm vào ngày 31/12/2023, sau khi thực hiện bút toán điều chỉnh thì số dư Tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” liên quan đến hợp đồng này là bao nhiêu?

A. 100.000.000 đồng

B. 50.000.000 đồng

C. 25.000.000 đồng

D. 75.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 13b: Ngày 1/9/2023, công ty ký hợp đồng cho thuê văn phòng trong 6 tháng (từ tháng 9/2023 đến hết tháng 2/2024) là 150.000.000 đồng, cùng ngày khách hàng chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng. Kết thúc kỳ kế toán năm vào ngày 31/12/2023, sau khi thực hiện bút toán điều chỉnh thì số dư Tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” liên quan đến hợp đồng này là bao nhiêu?

A. 50.000.000 đồng

B. 100.000.000 đồng

C. 25.000.000 đồng

D. 75.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 13c: Ngày 1/10/2023, công ty ký hợp đồng cho thuê văn phòng trong 6 tháng (từ tháng 10/2023 đến hết tháng 3/2024) là 150.000.000 đồng, cùng ngày khách hàng chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng. Kết thúc kỳ kế toán năm vào ngày 31/12/2023, sau khi thực hiện bút

toán điều chỉnh thì số dư Tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” liên quan đến hợp đồng này là bao nhiêu?

- A. 75.000.000 đồng
- B. 50.000.000 đồng
- C. 25.000.000 đồng
- D. 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14: (random 1 trong 3 câu)

Câu 14a: Ngày 1/9/2023, công ty ký hợp đồng thuê một cửa hàng với giá thuê 35.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/9/2023 đến hết ngày 29/2/2024. Công ty đã chuyển khoản 210.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền thuê vào ngày 1/9/2023. Biết công ty thực hiện kỳ kế toán tháng, kế toán ghi nhận chi phí thuê cửa hàng phát sinh của tháng 12/2023 là:

- A. 35.000.000 đồng
- B. 210.000.000 đồng
- C. 105.000.000 đồng
- D. 70.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14b: Ngày 1/9/2023, công ty ký hợp đồng thuê một cửa hàng với giá thuê 35.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/9/2023 đến hết ngày 29/2/2024. Công ty đã chuyển khoản 210.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền thuê vào ngày 1/9/2023. Biết công ty thực hiện kỳ kế toán năm, kế toán ghi nhận chi phí thuê cửa hàng phát sinh năm 2023 là:

- A. 140.000.000 đồng
- B. 210.000.000 đồng
- C. 35.000.000 đồng
- D. 70.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14c: Ngày 1/10/2023, công ty ký hợp đồng thuê một cửa hàng với giá thuê 35.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/10/2023 đến hết ngày 31/3/2024. Công ty đã chuyển khoản 210.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền thuê vào ngày 1/10/2023. Biết công ty thực hiện kỳ kế toán năm, kế toán ghi nhận chi phí thuê cửa hàng phát sinh năm 2023 là:

- A. 105.000.000 đồng
- B. 35.000.000 đồng
- C. 70.000.000 đồng

D. 210.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15: (random 1 trong 3 câu)

Câu 15a: Ngày 1/10/2023, công ty A xuất kho một cái máy in trị giá 12.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty A áp dụng kỳ kế toán tháng, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/2023 là:

- | | |
|--------------|------------|
| A. Nợ TK 642 | 2.000.000 |
| Có TK 242 | 2.000.000 |
| B. Nợ TK 642 | 6.000.000 |
| Có TK 242 | 6.000.000 |
| C. Nợ TK 642 | 12.000.000 |
| Có TK 153 | 12.000.000 |
| D. Nợ TK 642 | 6.000.000 |
| Có TK 153 | 6.000.000 |

ANSWER: A

Câu 15b: Ngày 1/10/2023, công ty A xuất kho một cái máy in trị giá 12.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty A áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/2023 là:

- | | |
|--------------|------------|
| A. Nợ TK 642 | 6.000.000 |
| Có TK 242 | 6.000.000 |
| B. Nợ TK 642 | 2.000.000 |
| Có TK 242 | 3.000.000 |
| C. Nợ TK 642 | 12.000.000 |
| Có TK 153 | 12.000.000 |
| D. Nợ TK 642 | 6.000.000 |
| Có TK 153 | 6.000.000 |

ANSWER: A

Câu 15c: Ngày 1/10/2023, công ty A xuất kho một cái máy in trị giá 12.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty A áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán nhật ký tại ngày 1/10/2023 là:

- | | |
|--------------|------------|
| A. Nợ TK 242 | 12.000.000 |
| Có TK 153 | 12.000.000 |

B. Nợ TK 642	2.000.000
Có TK 242	3.000.000
C. Nợ TK 642	12.000.000
Có TK 153	12.000.000
D. Nợ TK 642	6.000.000
Có TK 242	6.000.000

ANSWER: A

Câu 16: (random 1 trong 3 câu)

Câu 16a: Nghiệp vụ “Đầu tháng 11/2023, công ty A chuyển khoản thanh toán toàn bộ khóa học anh văn cho nhân viên phòng Quản lý doanh nghiệp trong 6 tháng từ tháng 11/2023 đến hết tháng 4/2024” được kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 242/Có TK 112
- B. Nợ TK 642/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 511
- D. Nợ TK 112/Có TK 3387

ANSWER: A

Câu 16b: Nghiệp vụ “Tháng 11/2023, công ty A chuyển khoản thanh toán tiền học anh văn cho nhân viên phòng Quản lý doanh nghiệp trong tháng tháng 11/2023” được kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 642/Có TK 112
- B. Nợ TK 242/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 511
- D. Nợ TK 112/Có TK 3387

ANSWER: A

Câu 16c: Nghiệp vụ “Đầu tháng 11/2023, Trung tâm đào tạo Anh ngữ ABC nhận được tiền chuyển khoản toàn bộ học phí của khóa học anh văn cung cấp cho khách hàng trong 6 tháng từ tháng 11/2023 đến hết tháng 4/2024” được kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 3387
- B. Nợ TK 642/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 511
- D. Nợ TK 242/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 17: (random 1 trong 3 câu)

Câu 17a: Thông tin liên quan đến doanh thu của công ty A trong năm 2023 như sau: tổng sản lượng sản phẩm bán ra 5.000 sản phẩm với đơn giá bán 200.000 đồng/sản phẩm; tiền lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trong năm là 40.000.000 đồng; nhận được khoản bồi thường do vi phạm hợp đồng 35.000.000 đồng. Cuối năm 2023 kế toán ghi nhận bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập như sau:

A. Nợ TK 511	1.000.000.000	
Nợ TK 515	40.000.000	
Nợ TK 711	35.000.000	
		Có TK 911
		1.075.000.000

B. Nợ TK 911	1.075.000.000	
		Có TK 511
		1.000.000.000
		Có TK 515
		40.000.000
		Có TK 711
		35.000.000

C. Nợ TK 511	1.000.000.000	
Nợ TK 515	35.000.000	
Nợ TK 711	40.000.000	
		Có TK 911
		1.075.000.000

D. Nợ TK 911	1.075.000.000	
		Có TK 511
		1.000.000.000
		Có TK 515
		35.000.000
		Có TK 711
		40.000.000

ANSWER: A

Câu 17b: Thông tin liên quan đến chi phí kinh doanh của công ty A trong năm 2023 như sau: tổng sản phẩm bán ra 5.000 sản phẩm với đơn giá xuất kho 140.000 đồng/sản phẩm; tiền lãi vay phải trả trong năm là 40.000.000 đồng; chi phí bán hàng phát sinh 380.000.000 đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp 460.000.000 đồng. Cuối năm 2023, kế toán ghi nhận bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí kinh doanh như sau:

A. Nợ TK 911	1.580.000.000	
		Có TK 632
		700.000.000
		Có TK 635
		40.000.000
		Có TK 641
		380.000.000
		Có TK 642
		460.000.000

B. Nợ TK 632	700.000.000	
---------------------	-------------	--

Nợ TK 635	40.000.000	
Nợ TK 641	380.000.000	
Nợ TK 642	460.000.000	
	Có TK 911	1.580.000.000
C. Nợ TK 632	700.000.000	
Nợ TK 641	380.000.000	
Nợ TK 642	460.000.000	
Nợ TK 811	40.000.000	
	Có TK 911	1.580.000.000
D. Nợ TK 911	1.580.000.000	
	Có TK 632	700.000.000
	Có TK 641	380.000.000
	Có TK 642	460.000.000
	Có TK 811	40.000.000

ANSWER: A

Câu 17c:

Thông tin liên quan đến doanh thu của công ty A trong năm 2023 như sau: tổng sản lượng sản phẩm bán ra 5.000 sản phẩm với đơn giá bán 200.000 đồng/sản phẩm; tiền lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trong năm là 30.000.000 đồng; Chiết khấu thương mại cho khách hàng 20.000.000 đồng. Cuối năm 2023, kế toán ghi nhận bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập như sau:

A. Nợ TK 511	980.000.000	
Nợ TK 515	30.000.000	
	Có TK 911	1.010.000.000
B. Nợ TK 911	1.010.000.000	
	Có TK 511	980.000.000
	Có TK 515	30.000.000
C. Nợ TK 511	1.000.000.000	
Nợ TK 521	20.000.000	
Nợ TK 515	30.000.000	
	Có TK 911	1.050.000.000
D. Nợ TK 911	1.050.000.000	
	Có TK 511	1.000.000.000

Có TK 515	30.000.000
-----------	------------

Có TK 521	20.000.000
-----------	------------

ANSWER: A

Câu 18: (random 1 trong 3 câu)

Câu 18a:

Cho một số thông tin về tình hình kinh doanh của công ty A như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	370.000.000
----------------------------------------	-------------

Giảm giá hàng bán	20.000.000
-------------------	------------

Chiết khấu thanh toán	10.000.000
-----------------------	------------

Trong bút toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, kế toán ghi:

A. Có TK 911 350.000.000

B. Nợ TK 911 350.000.000

C. Nợ TK 511 340.000.000

D. Có TK 911 340.000.000

ANSWER: A

Câu 18b:

Cho một số thông tin về tình hình kinh doanh của công ty A như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	370.000.000
----------------------------------------	-------------

Giảm giá hàng bán	20.000.000
-------------------	------------

Chiết khấu thương mại	10.000.000
-----------------------	------------

Trong bút toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, kế toán ghi:

A. Có TK 911 340.000.000

B. Nợ TK 911 340.000.000

C. Nợ TK 511 350.000.000

D. Nợ TK 911 350.000.000

ANSWER: A

Câu 18c:

Cho một số thông tin về tình hình kinh doanh của công ty A như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	370.000.000
----------------------------------------	-------------

Giảm giá hàng bán	20.000.000
-------------------	------------

Chiết khấu thanh toán	10.000.000
-----------------------	------------

Trong bút toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 511 340.000.000
- B. Nợ TK 911 340.000.000
- C. Có TK 911 350.000.000
- D. Nợ TK 911 350.000.000

ANSWER: A

Câu 19: (random 1 trong 3 câu)

Câu 19a: Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 300 sản phẩm đơn giá mua 200.000 đồng/sản phẩm. Chiết khấu được hưởng khi mua với số lượng lớn là 2% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 60.300.000 đồng
- B. 60.000.000 đồng
- C. 61.500.000 đồng
- D. 58.800.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19b: Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 300 sản phẩm đơn giá mua 200.000 đồng/sản phẩm. Chiết khấu được hưởng khi mua với số lượng lớn là 1% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 60.900.000 đồng
- B. 60.000.000 đồng
- C. 61.500.000 đồng
- D. 59.400.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19c: Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 300 sản phẩm đơn giá mua 220.000 đồng/sản phẩm. Chiết khấu được hưởng khi mua với số lượng lớn là 1% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 66.840.000 đồng
- B. 66.000.000 đồng

C. 67.500.000 đồng

D. 65.340.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20: (random 1 trong 4 câu)

Câu 20a: Công ty A thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 12, công ty có 400 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/12/2023, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 200 sản phẩm, đơn giá 155.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/12, công ty xuất kho bán 480 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/12/2023 là:

A. 72.400.000 đồng

B. 72.000.000 đồng

C. 86.400.000 đồng

D. 74.400.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20b: Công ty A thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 12, công ty có 600 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/12/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 500 sản phẩm, đơn giá 155.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/12, công ty xuất kho bán 520 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/12/2023 là:

A. 78.000.000 đồng

B. 80.600.000 đồng

C. 79.300.000 đồng

D. 93.600.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20c: Công ty A thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 12, công ty có 600 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/12/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 400 sản phẩm, đơn giá 155.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/12, công ty xuất kho bán 630 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/12/2023 là:

A. 94.650.000 đồng

B. 97.650.000 đồng

C. 94.500.000 đồng

D. 113.400.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm) (Random 1 trong 2 câu)

Câu TL1:

Tình hình tài chính vào đầu tháng 6 năm 2024 tại công ty TNHH M.A Pharma như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt (TK 111)	100.000.000
Tiền gửi ngân hàng (TK 112)	2.000.000.000
Tài sản cố định hữu hình (TK 211)	500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính (TK 341)	600.000.000
Vốn góp chủ sở hữu (TK 411)	2.000.000.000

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 6 năm 2024 như sau:

- Ngày 2, chuyển khoản mua một lô hàng hóa nhập kho gồm 200 sản phẩm với đơn giá mua 170.000 đồng/sản phẩm.
- Ngày 10, mua một số văn phòng phẩm nhập kho trị giá 5.000.000 đồng chưa trả tiền cho người bán
- Ngày 12, bán 100 sản phẩm hàng hóa hiện có trong kho cho khách hàng X với đơn giá bán 390.000 đồng/sản phẩm, thu ngay bằng chuyển khoản.
- Ngày 18, chuyển khoản thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ vay ngân hàng.
- Ngày 20, chi tiền mặt trả lương tháng này cho nhân viên bán hàng 25.000.000 đồng.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 156	34.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 112	34.000.000	
(2) NỢ TK 153	5.000.000	
CÓ TK 331	5.000.000	(0.5 điểm)
(3) NỢ TK 112	39.000.000 (=100spx390.000đ/sp)	
CÓ TK 511	39.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	17.000.000 (=100spx170.000đ/sp)	
CÓ TK 156	17.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 341	300.000.000	
CÓ TK 112	300.000.000	(0.5 điểm)

(5) NỢ TK 641 25.000.000 (0.5 điểm)

CÓ TK 111 25.000.000

Câu TL2:

Tình hình tài chính vào đầu tháng 6 năm 2024 tại công ty TNHH M.A Pharma như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt (TK 111)	200.000.000
Tiền gửi ngân hàng (TK 112)	1.500.000.000
Hàng hóa (TK 156) gồm 1.000 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm	200.000.000
Tài sản cố định hữu hình (TK211)	400.000.000
Phải trả người bán (TK 331)	250.000.000
Vốn góp chủ sở hữu (TK 411)	2.050.000.000

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 6 năm 2024 như sau:

(1) Ngày 2, chuyển khoản thanh toán toàn bộ số dư nợ phải trả người bán.

(2) Ngày 10, chi tiền mặt mua số văn phòng phẩm dùng ngay tại phòng Hành chính nhân sự với giá 5.000.000 đồng (toàn bộ lô công cụ này đều được ghi nhận là loại sử dụng một lần)

(3) Ngày 12, bán 100 sản phẩm hàng hóa hiện có trong kho cho khách hàng X với đơn giá bán 450.000 đồng/sản phẩm, chưa thu tiền.

(4) Ngày 18, khách hàng X chuyển khoản thanh toán 1/2 số tiền mua hàng ngày 12.

(5) Ngày 20, chi tiền mặt trả phí dịch vụ Internet tại showroom bán hàng tháng này 7.000.000 đồng,

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 331 250.000.000 (0.5 điểm)

CÓ TK 112 250.000.000

(2) NỢ TK 642 5.000.000

CÓ TK 111 5.000.000 (0.5 điểm)

(3) NỢ TK 131 45.000.000 (=100spx450.000đ/sp)

CÓ TK 511 45.000.000 (0.5 điểm)

NỢ TK 632 20.000.000 (=100spx200.000đ/sp)

CÓ TK 156 20.000.000 (0.5 điểm)

(4) NỢ TK 112 22.500.000

CÓ TK 131	22.500.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 641	7.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 111	7.000.000	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



ThS. Phan Minh Nguyệt

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Phạm Nguyễn Thanh Thủy